TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM BÌNH **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:14/2019/QĐST-HNGĐ	*Lâm Bình, ngày 12 tháng 4 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 11/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2019, giữa:

Nguyên đơn: chị Ma Thị B, sinh năm 1998

Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang.

Bị đơn: anh Mùng Văn H, sinh năm 1995

Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ vào các Điều 28, 212, 213, Điều 143, 144, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 110, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04 tháng 4 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04 tháng 4 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Nguyên đơn: chị Ma Thị B, sinh năm 1998

Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang.

Bị đơn: anh Mùng Văn H, sinh năm 1995

Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con chung: Chị Ma Thị B và anh Mùng Văn H thỏa thuận thống nhất giao cháu Mùng Trung H1, sinh ngày 25/10/2015 cho anh Mùng Văn H trực tiếp nuôi dưỡng, hiện cháu H1 đang ở cùng anh H. Chị B nhận cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh H mỗi tháng 500.000đ *(Năm trăm nghìn đồng)*/01 tháng, phương thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng, cấp dưỡng vào ngày 15 hàng tháng, thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 5/2019 cho đến khi cháu Mùng Trung H1 đủ 18 tuổi. Chị Ma Thị B được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về tài sản chung: Chị Ma Thị B và anh Mùng Văn H xác định tài sản chung không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về vay nợ chung: Chị Ma Thị B và anh Mùng Văn H xác định nợ chung không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Ma Thị B nhận chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 150.000đ *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* và phải chịu 150.000đ *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* án phí cấp dưỡng nuôi con. Chị Ma Thị B đã nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0006148 ngày 18/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lâm Bình nay được chuyển thành tiền án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi

hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TQ;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang,
- VKSND huyện Lâm Bình;
- Chi cục THADS huyện Lâm Bình;
- Các đương sự;
- UBND xã H (để biết);
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đào Thị Bích Ngọc